

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-7-2022

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Nhận và bà Bùi Thị Vân.
- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 13/7/2022, tại trụ sở TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2022, về việc: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2022, Quyết định hoãn phiên toà số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2022; Thông báo về việc mở phiên toà số 02/2022/TB-TA ngày 06/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Khánh H sinh năm 1997, vắng mặt.

Địa chỉ: xã M, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T sinh năm 1988, vắng mặt.

Địa chỉ: xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Ông Phạm Văn L sinh năm 1958, vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị L1 sinh năm 1959, vắng mặt.

Địa chỉ: xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Ông Phạm Hùng C sinh năm 1965, vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị P sinh năm 1970, vắng mặt.

Địa chỉ: xã M, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/12/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, mặc dù đã được gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không thành. Do tình cảm không còn, nên vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị ly hôn anh T.

Về con chung: Chị H, anh T có một con Phạm Thanh T1 sinh ngày 27/8/2018, hiện tại do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản nêu ý kiến quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người làm chứng ông L, bà L1 (bố mẹ anh T) xác định hai bên đương sự đã sống ly thân, không còn biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; nếu hai bên đương sự ly hôn, đề nghị giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Ông L, bà L1 xác định đối với các văn bản tố tụng của Tòa án đã giao,

thông báo cho anh T. Ông C, bà P (bố, mẹ chị H) đề nghị giải quyết cho chị H ly hôn anh T; giao cháu T1 cho chị H nuôi dưỡng.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng (trừ anh T) đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Xử, chị H ly hôn anh T; giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; chị H phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX, nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; chị H đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Chị H, anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/12/2016, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do không hợp tính nết, bất đồng quan điểm sống. Theo xác minh tại địa phương và người thân trong gia đình của đương sự, xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, chị H cũng như gia đình của đương sự đã thông báo cho anh T, nhưng anh T không khai báo, không tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh T không mong muốn tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân với chị H. Như vậy, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị H ly hôn anh T.

[3]. Về con chung: Xác định chị H và anh T có một con là Phạm Thanh T1 sinh ngày 27/8/2018, hiện tại do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con, còn anh T không thể hiện quan điểm về việc nuôi dưỡng con. Sau khi xem xét quan điểm của đương sự, HĐXX thấy rằng hiện tại cháu T1 còn nhỏ tuổi; từ trước đến nay do chị H nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con; anh T có quyền thăm nom con.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Chị H không yêu cầu, nên HĐXX không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Khánh H ly hôn anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Giao con Phạm Thanh T1 sinh ngày 27/8/2018 cho chị Phạm Khánh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 7/2022 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh Phạm Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Phạm Khánh H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0003436 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã L, huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn

